

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

- Tên gói thầu: Cung cấp vật tư HM 113, 115, 173.
- Số hiệu gói thầu: 263/CHCT/XMCP/ĐT/2025.
- Bên mời thầu: Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả;
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh.
- Địa điểm thực hiện: Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.
- Bên A: là Bên mời thầu/ Chủ đầu tư, Bên B: là nhà thầu.
- Phạm vi cung cấp:

Bảng 1:

TT	Tên hàng hóa	Quy cách/yêu cầu kỹ thuật/Chỉ tiêu kỹ thuật	Mô tả	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ cung cấp
1	Bộ dây cao su cho thiết bị giảm chấn	DE32/37-12-20-800		Bộ	6	60 ngày
2	Cáp lùa chống xoắn	Φ26	Đường kính cáp 26mm, DIN 3055, 37 tao, mỗi tao 7 sợi cường độ kéo $\geq 1770\text{N/mm}^2$. Lõi thép trung tâm.	Mét	300	60 ngày
3	Cáp thép	Seil 18x45 DIN 3064 FE-ZNK 1770sZ	Đường kính cáp Φ18mm, dài 45 mét, cường độ kéo $\geq 1770\text{N/mm}^2$, Cáp 6 tao, mỗi tao 36 sợi, lõi thép trung tâm	Sợi	1	60 ngày
4	Ống lồng xuất clinker	Φ 560x Φ720x554	Theo vẽ đính kèm số 01, 02.	Cái	15	60 ngày
5	Đai ốc	M42	Ê cu M42, bước ren 3m (Theo bản vẽ ê cu chống trôi, đê m phẳng)	Cái	60	60 ngày

TT	Tên hàng hóa	Quy cách/yêu cầu kỹ thuật/Chỉ tiêu kỹ thuật	Mô tả	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ cung cấp
6	Đai ốc	M14		Cái	2000	60 ngày
7	Cáp thép	Draht seil Din 3064-28- SE-Znk- 1770(zS/sZ)- 35.000 Ungalvanised	Đường kính cáp $\Phi 28$ mm, dài 35 mét, cường độ kéo $\geq 1770\text{N/mm}^2$, Cáp 6 tao, mỗi tao 36 sợi, lõi thép trung tâm	Sợi	2	60 ngày
8	Cáp thép	$\Phi 22, 6 \times 36$ IWRC x 110m	Cường độ kéo $\geq 1770\text{N/mm}^2$	Sợi	2	60 ngày
9	Khớp nối	D42/48	Khớp nối giảm chấn FCL (Flexible Coupling Link) D160, then 9x14mm, 8 bu lông M12x64	Bộ	2	60 ngày

Mục 2. Thời gian, tiến độ thực hiện hợp đồng

- Thời gian thực hiện Hợp đồng: 75 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Tiến độ thực hiện: trong vòng 60 ngày cung cấp hàng hóa kể từ ngày ký hợp đồng.

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật

- Đề xuất hàng hóa cung cấp mới 100%, chưa qua sử dụng, đóng gói theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.
- Cam kết hàng hóa phải được sản xuất từ năm 2024 đến nay.
- Nhà thầu cam kết chào hàng hóa có quy cách đúng hoặc tương đương với quy cách tại bảng 1 nêu trên.
- Cam kết hàng hóa lắp đặt chính xác, đồng bộ với hệ thống thiết bị của Bên mời thầu.
- Đối với hàng hóa nhập khẩu: Cam kết cung cấp đầy đủ Chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ (CO) do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp (chấp nhận CO do hãng cung cấp cấp); giấy chứng nhận chất lượng (CQ) đối với hàng hóa nhập khẩu khi cấp hàng.
- Đối với hàng hóa sản xuất trong nước: Cam kết cung cấp đầy đủ CQ hoặc

giấy chứng nhận xuất xưởng hợp lệ của hàng hóa khi cấp hàng.

- Đưa vào hồ sơ đề xuất Catalog/tài liệu kỹ thuật của hàng hóa chào chứng minh hàng hóa chào đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật Bên mời thầu yêu cầu.

- Nhà thầu lập bảng so sánh hàng hóa Nhà thầu chào với yêu cầu của hồ sơ để chứng minh hàng hóa đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật Bên mời thầu yêu cầu.

Mục 4. Bảo hành

- Bảo hành 6 tháng đối với các mục số thứ tự 1, 8, 9 và bảo hành 12 tháng với các mục còn lại tại bảng 1 nêu trên, thời gian bảo hành kể từ ngày ký biên bản kiểm nghiệm (đạt yêu cầu).

- Hình thức Bảo hành: Chứng thư bảo lãnh bảo hành trị giá 05% tổng giá trị nghiệm thu, có hiệu lực tối thiểu 13 tháng kể từ ngày phát hành chứng thư nhưng không được trước ngày ký biên bản kiểm nghiệm (hàng hóa đạt yêu cầu).

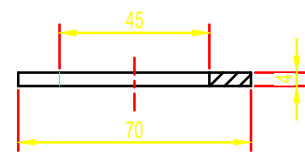
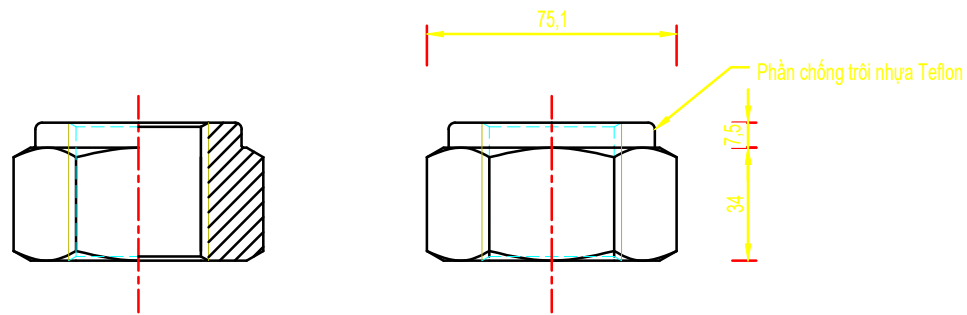
Mục 5. Phạt vi phạm và bồi hoàn

- Nếu Bên B giao hàng không đúng chất lượng đã quy định trong Hợp đồng, thì Bên B có trách nhiệm bổ sung hoặc thay thế hàng hoá mới cho phù hợp với Hợp đồng trong vòng 01 ngày kể từ ngày hai bên ký Biên bản trả hàng không đúng yêu cầu, đồng thời Bên B phải chịu mức phạt 01% (một phần trăm) giá trị phần hàng hóa vi phạm chất lượng. Nếu Bên B không thay thế bổ sung hàng hóa hoặc phần hàng hóa thay thế bổ sung vẫn tiếp tục không đáp ứng chất lượng đã quy định trong Hợp đồng thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và Bên B phải chịu phạt 08% tổng Giá trị Hợp đồng. Mọi trường hợp phạt 08% tổng Giá trị hợp đồng, các bên thống nhất hiểu Bên B đã vi phạm toàn bộ nghĩa vụ Hợp đồng và phải chịu phạt trên tổng Giá trị hợp đồng.

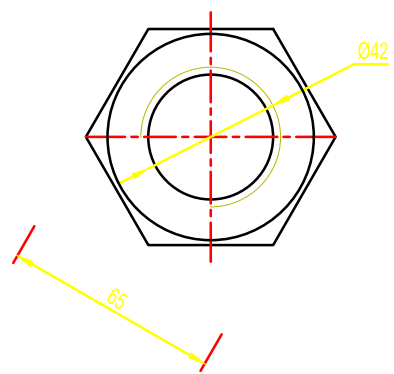
- Nếu Nhà thầu giao hàng chậm không quá 03 ngày so với tiến độ quy định thì Nhà thầu sẽ phải chịu mức phạt bằng 1% (một phần trăm) giá trị lô hàng giao chậm cho mỗi ngày giao chậm.

- Nếu Bên B giao hàng chậm quá 03 ngày, thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và Bên B phải chịu mức phạt là 08% tổng giá trị hợp đồng. Trường hợp này các bên thống nhất hiểu Bên B đã vi phạm toàn bộ nghĩa vụ hợp đồng phải chịu phạt trên tổng giá trị hợp đồng.

Mục 6. Bản vẽ: Đính kèm.

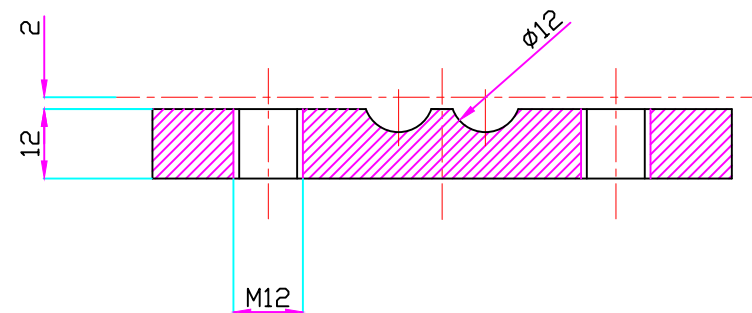
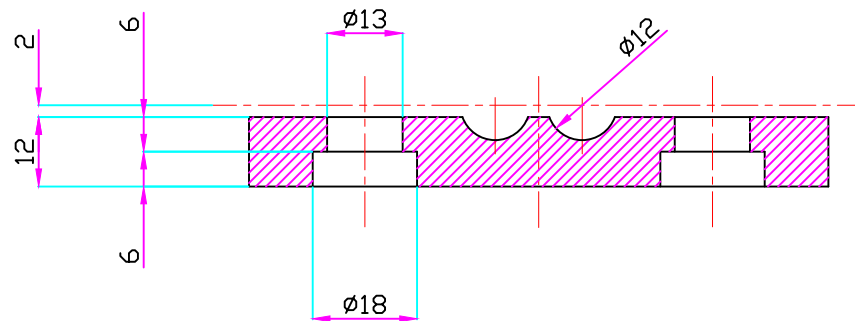
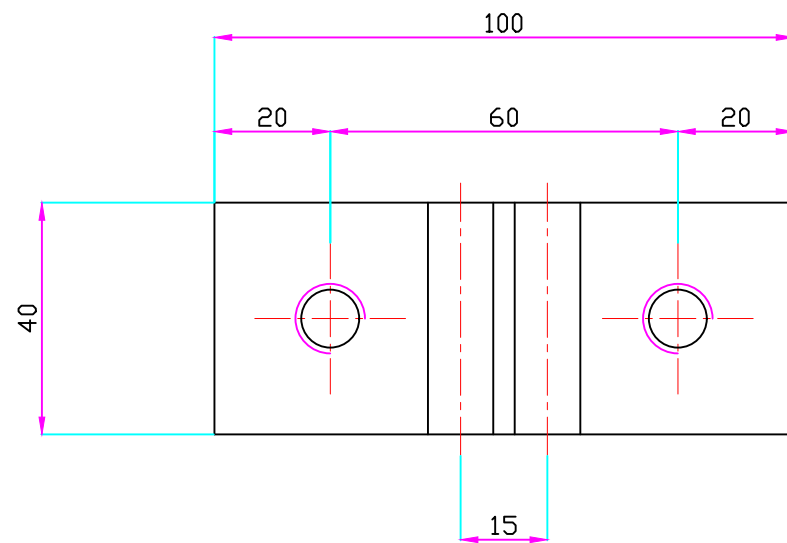
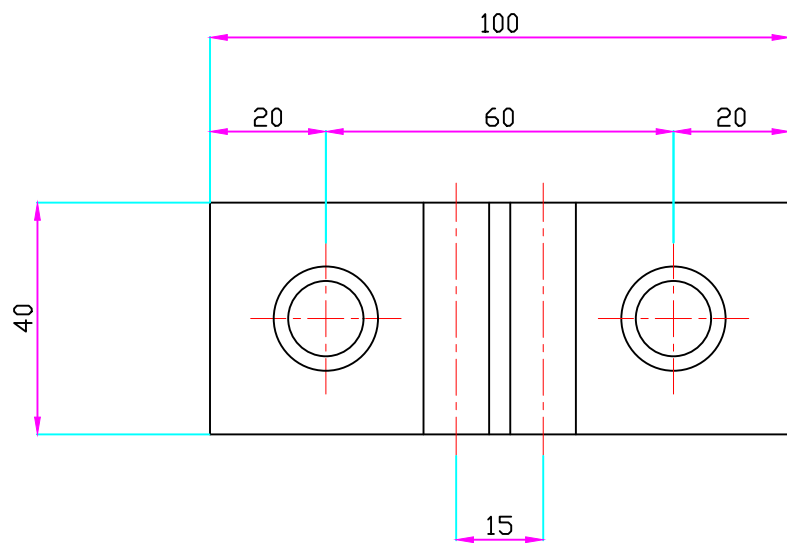


Đệm phẳng ê cu

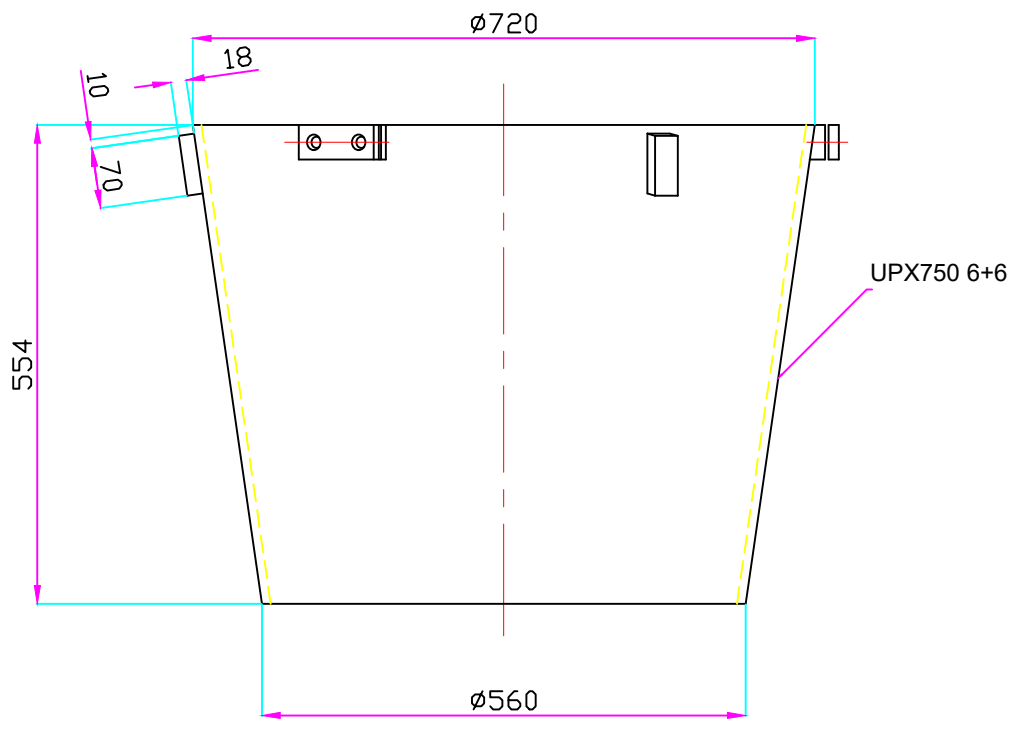
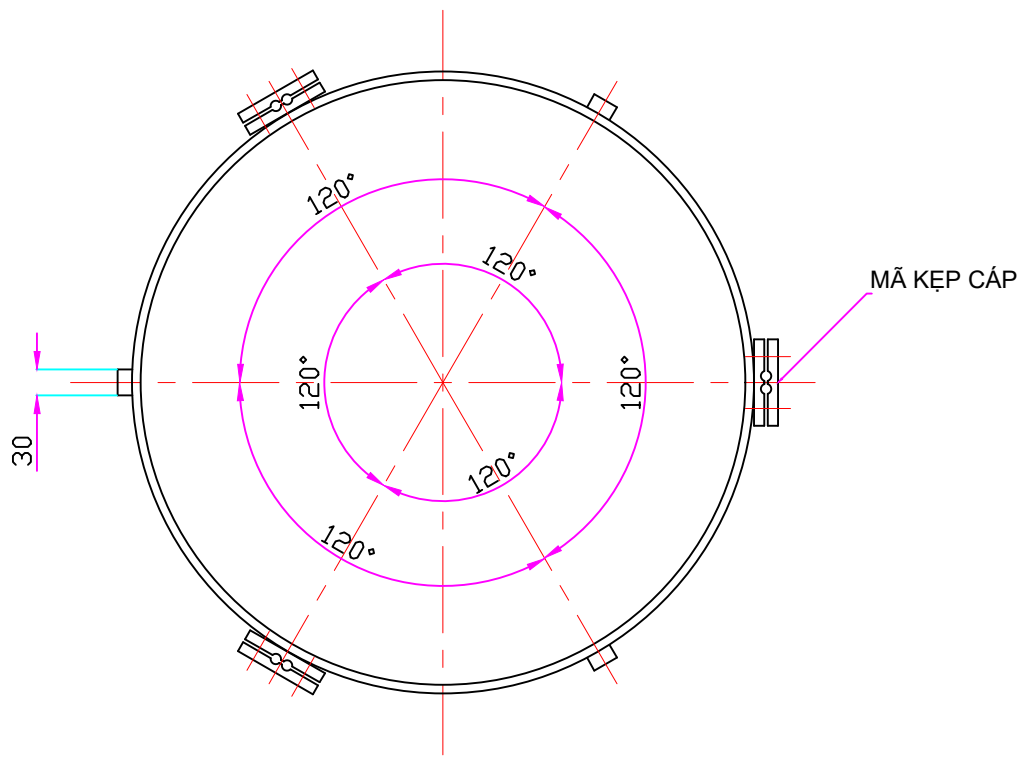


Ê cu chống trượt M42

	Họ và tên	Ký tên	Ngày tháng	CÔNG TY CP XI MĂNG CẨM PHẢ	
Người vẽ					
Kiểm tra					
Kiểm tra					
Phê duyệt					Tờ số: 1/1



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẨM PHẢ			
Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	
Vẽ			
Kiểm tra			
Duyệt			
Ngày/tháng :			
			MÃ KẸP CẤP HM 173BS1



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẨM PHẢ			BẢN VẼ GIA CÔNG	
Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	HM: 173BS1	
Vẽ			XÔ VÒI XUẤT 173BS1	
Kiểm tra				
Duyệt				
Ngày/tháng :				